

Số: 773/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 969/2026/TLST-HNGĐ về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **Bùi Tiến D**, sinh ngày 10/7/1984, CCCD số 001084016076 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/9/2024

Nơi thường trú và cư trú: Số 9 ngách 38/21 NSL, phường V, Thành Phố Hà Nội.

- Chị **Nguyễn Thùy L**, sinh ngày 10/6/1990, CCCD số 001190040295 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/11/2023.

Nơi thường trú: Số 9 ngách 38/21 NSL, phường V, Thành Phố Hà Nội.
(trú tại: Số 2 ngõ 52 MK, phường TM, Thành phố Hà Nội)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tình cảm:** Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L kết hôn tự nguyện ngày 11/9/2009 tại UBND phường V, quận Đ (nay là phường V), Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nay anh D, chị L cùng xác nhận không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh chị thống nhất thuận tình ly

hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D và chị L theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng xác nhận có 02 con chung là cháu Bùi Minh A, sinh ngày 06/8/2009 và cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 06/11/2014. Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận anh Bùi Tiến D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Bảo A; còn chị Nguyễn Thùy L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Minh A. Về cấp dưỡng, vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Bùi Tiến D tự nguyện chịu lệ phí giải quyết thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng xác nhận có 02 con chung là cháu Bùi Minh A, sinh ngày 06/8/2009 và cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 06/11/2014. Sau khi ly hôn:

+ Giao con chung là cháu Bùi Minh A, sinh ngày 06/8/2009 cho chị Nguyễn Thùy L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9/2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác;

+ Giao con chung là cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Bùi Tiến D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9/2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Bùi Tiến D và chị Nguyễn Thùy L cùng xác nhận

không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thùy L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001932 ngày 22/7/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Hà Nội;
- UBND phường V;
- (ĐKKH số 65 ngày 11/9/2009),
- Dương sự và lưu hs.

THẨM PHÁN



Hoàng Nghĩa Hải